

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 8 - 2024
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Kim Duyên
- Bà Nguyễn Thị Nghị

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Đầu Xuân Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trương Hữu T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Trường S, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 19 tháng 4 năm 2024 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Trần Thị Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trương Hữu T đăng ký kết hôn ngày 01/12/2006 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Trước khi kết hôn, bà và ông T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, bà và ông T ở riêng tại nhà, đất của bố mẹ đẻ bà cho mượn tại thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bà bình thường. Tháng 9/2015, vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bà không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng bà thường xuyên cãi nhau to tiếng. Tháng 5/2016, vợ chồng bà mâu thuẫn căng thẳng và ly thân cho đến nay. Mặc dù, vợ chồng bà vẫn sống cùng một nhà nhưng không có quan hệ tình cảm. Nay bà xác định tình

cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng bà được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là cháu Trương Trà M, sinh ngày 18/9/2008 và cháu Trương Cẩm L1, sinh ngày 27/8/2012. Hiện nay, cháu M đang ở với bà, cháu L1 đang ở với ông T. Nếu ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được nuôi dưỡng cháu M, để ông T nuôi dưỡng cháu L1. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp: Vợ chồng bà không có thời gian nào ở và làm ăn chung với gia đình hai bên nên không có công sức đóng góp gì.

- Bị đơn ông Trương Hữu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác nhận về thời gian, thủ tục kết hôn và sau khi kết hôn vợ chồng ở riêng như bà L trình bày là đúng. Tuy nhiên, quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là tháng 02/2023. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc bảo ban nhau làm nhà nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ngoài ra không có nguyên nhân gì khác. Tháng 3/2023, vợ chồng ông mâu thuẫn căng thẳng và đến tháng 10/2023, vợ chồng ông ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng ông ly thân, ông có nhiều lần dàn xếp để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà L không đồng ý. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L.

Về con chung: Vợ chồng ông có hai con chung và hiện nay, cháu M đang ở với bà L, cháu L1 đang ở với ông, cụ thể như bà L trình bày là đúng. Nếu ly hôn, ông xin được nuôi cả hai con, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức đóng góp: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, như: Cung cấp đầy đủ, kịp thời các chứng cứ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án cho Tòa án, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Kim L, cho bà L được ly hôn ông Trương Hữu T; về con chung: Giao cháu Trương Trà M cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Trương Cẩm L1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L,

ông T không phải cấp dưỡng nuôi con; về án phí: Bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Do bị đơn ông Trương Hữu T là sĩ quan quân đội có nơi cư trú tại Trường S, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định khoản 2 Điều 44 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim L và ông Trương Hữu T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của bà L và ông T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay, cũng như trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bà L cương quyết xin ly hôn còn ông T không đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Kim L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T đã phát sinh mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 03 năm 2023 và ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn theo lời trình bày của bà L là do vợ chồng bà không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng bà thường xuyên cãi nhau to tiếng, ngoài ra, không có nguyên nhân gì khác. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn theo lời trình bày của ông T là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc bảo ban nhau làm nhà nên vợ chồng ông thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra, không có nguyên nhân gì khác.

Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy, từ khoảng năm 2017 - 2018 cho đến nay, bà L và ông T thường xuyên mâu thuẫn, trục trặc, thỉnh thoảng cãi nhau. Bà L, ông T đối xử lạnh nhạt, không còn tình cảm với nhau. Mâu thuẫn giữa bà L, ông T đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Khả năng để bà L, ông T đoàn tụ là khó.

Lời khai của cháu Trương Trà M và cháu Trương Cẩm L1 là con chung của bà L, ông T cũng thể hiện vợ chồng bà L, ông T thường xuyên cãi nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng, hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay bà L kiên quyết xin ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, ông T xác nhận trong thời gian vợ chồng sống ly thân, ông T nhiều lần dần xếp để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà L không đồng ý, điều đó chứng tỏ tình cảm của bà L đối với ông T không còn. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ vì cuộc sống vợ chồng giữa bà L và ông T không có hạnh phúc, quan hệ hôn nhân đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của bà L và ông T không đạt được. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng nên Hội

đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

- Về con chung: Vợ chồng bà L, ông T có 02 con chung là cháu Trương Trà M, sinh ngày 18/9/2008 và cháu Trương Cẩm L1, sinh ngày 27/8/2012. Hiện nay, cháu M đang ở với bà L, cháu L1 đang ở với ông T. Tại phiên tòa, bà L xin nuôi dưỡng cháu M, để ông T nuôi cháu L1; ông T xin được nuôi cả hai con. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà L, ông T về việc được trực tiếp nuôi con là chính đáng. Tòa án đã lấy lời khai của cháu M và cháu L1. Cháu M có nguyện vọng được ở với bà L. Cháu L1 có nguyện vọng được ở với ông T. Quá trình xác minh tại địa phương xác định bà L, ông T đều có khả năng nuôi con nên cần giao cho bà L, ông T mỗi người nuôi một con trên cơ sở nguyện vọng của các cháu. Bà L, ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức đóng góp: Vì bà L, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[4]. Về án phí: Bà Trần Thị Kim L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Trương Hữu T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 44 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho bà Trần Thị Kim L được ly hôn ông Trương Hữu T.

2. Về con chung:

2.1. Bà Trần Thị Kim L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Trà M, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2008; ông Trương Hữu T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Cẩm L1, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2012.

Bà Trần Thị Kim L, ông Trương Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Bà Trần Thị Kim L, ông Trương Hữu T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Kim L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007008 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- UBND xã S, huyện S,
tỉnh Tuyên Quang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Thảo